

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST

Ngày 14 tháng 02 năm 2025

V/v tranh chấp ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Lê Trường Hận**

2- Bà **Lâm Thị Nguyệt Hồ**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Trần Minh Muội** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 532/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thanh T, sinh ngày 22/12/1971

Địa chỉ: Số Z, đường H, khóm C, Phường F, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Vĩnh L, sinh ngày 20/10/1966

Địa chỉ: Số Y, Khóm C, Phường E, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T và bị đơn ông Bùi Vĩnh L trong quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày:

- Về hôn nhân: Bà T và ông L tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa hợp.

- Về con chung; Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L là vợ chồng.

Về con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Bùi Vĩnh L nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông L có địa chỉ cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét xử vắng mặt: Xét thấy bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt Bà T và ông L theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L cùng xác định họ tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do Bà T và ông L không đăng ký kết hôn, cho nên căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa Bà T và ông L là vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L xác định trong quá trình chung sống không có con chung, không yêu cầu giải quyết về vấn đề nuôi dưỡng, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Nguyễn Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[8] Bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L vắng mặt, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L là vợ chồng.

2. Về con chung; Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L thống nhất xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình bà Nguyễn Thanh T phải chịu 300.000 đồng. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003523 ngày 12/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

4. Bà Nguyễn Thanh T và ông Bùi Vĩnh L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

Lê Hồng Lam